

Số: *413*/KH-UBND

Hải Dương, ngày *11* tháng 11 năm 2019

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2020**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 của Quốc hội;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 1819/QĐ-Ttg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 714/QĐ-Ttg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử;

Quyết định số 63/QĐ- Ttg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;

Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến 2025;

Kế hoạch số 116-KH/TU ngày 31/10/2014 của Tỉnh ủy Hải Dương về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 10/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương về việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Kế hoạch số 681/KH-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 01/04/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020;

## **II. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2019**

### **1. Môi trường pháp lý**

Triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, trong năm 2020, tỉnh Hải Dương đã ban hành các văn bản tạo môi trường pháp lý cho ứng dụng và phát triển CNTT như:

Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 10/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương về việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Kế hoạch hành động số 1539/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

### **2. Hạ tầng kỹ thuật**

Hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của tỉnh từng bước được đầu tư, cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh, cụ thể:

100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã đã xây dựng mạng nội bộ (LAN) kết nối các phòng ban, đơn vị; Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã hình thành, kết nối cáp quang đến tất cả các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố bước đầu phục vụ cho Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến huyện và kết nối với Trung ương.

Trung tâm dữ liệu của tỉnh đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông đã được đầu tư nâng cấp với 50 máy chủ, các thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng và bảo mật, hệ thống phân phối điện năng, phần mềm phòng chống virus... Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy đặt tại Văn phòng Tỉnh ủy được cài đặt bằng công nghệ ảo hóa máy chủ để vận hành hoạt động cho toàn bộ hệ thống của Tỉnh ủy, các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy các huyện ủy, thành ủy.

Trong các cơ quan hành chính nhà nước hiện có 111 máy chủ, tập trung tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh và phân bố đều tại các cơ quan, trung bình mỗi đơn vị có từ 1 đến 2 máy chủ và khoảng 4000 máy trạm; tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức đạt 100%. Hệ thống hạ tầng mạng CNTT của các cơ quan Đảng từ tỉnh tới huyện gồm 13 mạng máy tính cục bộ, có 50 máy chủ, 768 máy trạm, 08 máy tính xách tay. Đã trang bị đồng bộ máy trạm, máy in và kết nối với mạng trong của Đảng cho 264/264 đảng ủy xã, phường, thị trấn.

### **3. Hạ tầng về nhân lực CNTT**

Trong các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh có 74 cán bộ chuyên trách về CNTT, phân bố tập trung chủ yếu tại một số Sở, ngành như: Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo. Tại

UBND các huyện, thị xã, thành phố, hầu hết bố trí cán bộ văn phòng làm kiêm nhiệm CNTT.

100% cơ quan ngành dọc có cán bộ phụ trách về CNTT phục vụ công tác chuyên ngành. Hầu hết các cơ quan đoàn thể không có cán bộ chuyên trách về CNTT.

Trong các cơ quan Đảng bố trí Phòng Cơ yếu-Công nghệ thông tin, trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy với 05 cán bộ chuyên trách về CNTT đảm bảo vận hành hệ thống ứng dụng CNTT trong khối các cơ quan Đảng, Văn phòng huyện ủy, thành ủy mỗi đơn vị bố trí 01 cán bộ chuyên trách CNTT làm công tác quản trị mạng.

Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng về CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức đã được tích cực triển khai: tổ chức đào tạo thi sát hạch, cấp chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức tập huấn ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức các cơ quan Đảng và Văn phòng cấp ủy gắn với tập huấn nghiệp vụ công tác chuyên môn; đồng thời, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị.

#### **4. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

##### **4.1. Trang/Cổng thông tin điện tử**

Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và 52 trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố được tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Trong năm 2019, Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành nâng cấp công nghệ đối với Cổng thông tin điện tử của tỉnh và một số trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị từ sharepoint 2013 lên sharepoint 2016.

##### **4.2. Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc**

Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc đã triển khai cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã phường, thị trấn để đảm bảo trao đổi văn bản trên môi trường mạng. Trong năm 2019, hệ thống được nâng cấp, xây dựng phiên bản trên di động và triển khai giải pháp tích hợp chữ ký số lên hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

##### **4.3. Hệ thống thư điện tử công vụ**

Hầu hết các cơ quan đều sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc. 100% các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố được triển khai đưa vào sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh trong trao đổi công việc. Hiện nay, hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh đang được vận hành và thiết lập tài khoản đối với tất cả các cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

##### **4.4. Ứng dụng Chữ ký số**

Đã triển khai cấp chữ ký số cho các cán bộ, công chức của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Sở Thông tin và Truyền thông đang phối hợp với Ban Cơ yếu Chính Phủ nghiên cứu giải pháp triển khai cấp chữ ký số trên di động và tích hợp ký số trên các phần mềm ứng dụng của tỉnh.

#### **4.5. Các phần mềm chuyên ngành**

Xây dựng các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên ngành: một số cơ quan, đơn vị đã tập trung đầu tư, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng chuyên ngành thống nhất trên quy mô toàn tỉnh, cụ thể:

- Ngành Tài chính: Hệ thống quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), hệ thống quản lý ngân sách, hệ thống cấp mã số quan hệ ngân sách và mã số dự án đầu tư, hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tài sản công;

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung trong ngành giáo dục, triển khai Hệ thống mạng xã hội học tập trực tuyến, hệ thống hỗ trợ tuyển sinh đầu cấp, ...;

- Ngành Y tế: triển khai Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện, phần mềm quản lý bảo hiểm, phần mềm quản lý y tế cơ sở ...

- Ngành Tài nguyên và Môi trường: Hệ thống thông tin đất đai, hệ thống quan trắc môi trường tự động;

- Ngành Giao thông Vận tải: Hệ thống phần mềm quản lý cấp giấy phép lái xe; hệ thống quản lý xe buýt thông minh; Hệ thống quản lý bảo trì, quản lý hành lang an toàn đường bộ;...

- Ngành Tư pháp: Hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch;

- Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội: Hệ thống quản lý đối tượng người có công và chế độ chính sách;

- Ngành Kế hoạch và Đầu tư: hệ thống quản lý ngân sách,...

- Ngành Nội vụ: Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã được triển khai cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

- Các ngành, địa phương khác cũng đã đang khai thác, sử dụng các hệ thống phần mềm như: hệ thống phần mềm quản lý kế toán, quản lý tài sản,... phục vụ nhu cầu công tác quản lý;

Ngoài các phần mềm dùng chung, phần mềm chuyên ngành nêu trên, các phần mềm như: tài chính - kế toán, quản lý tài sản, quản lý đề tài khoa học, quản lý giấy phép lái xe, giải quyết khiếu nại, tố cáo... cũng đang được ứng dụng rộng rãi tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh, phát huy hiệu quả trong hoạt động quản lý và điều hành.

#### **5. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

##### **5.1. Hệ thống một cửa điện tử**

Hiện nay, hệ thống một cửa điện tử tập trung đã được triển khai cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

##### **5.2. Dịch vụ công trực tuyến**

Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã được triển khai xây dựng và đặt tại địa chỉ [dichvucong.haiduong.gov.vn](http://dichvucong.haiduong.gov.vn), trong đó, tích hợp toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các ngành, địa phương. Hiện nay, trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cung cấp 1.685 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 165 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để phục vụ tổ chức và công dân tham gia giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

#### **6. Đảm bảo an toàn thông tin**

Triển khai các giải pháp về đảm bảo an toàn thông tin như: giải pháp chống vi rút và thư rác cho hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; các giải pháp

nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; ban hành các văn bản hướng dẫn gửi các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đề cảnh báo về các nguy cơ tấn công gây mất an toàn thông tin để đưa ra các biện pháp khắc phục; tổ chức diễn tập về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng để có kỹ năng sẵn sàng ứng phó sự cố cho các hệ thống thông tin...

## **7. Đánh giá chung**

Trong năm 2019, đẩy mạnh triển khai Kế hoạch số 3602/KH-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2019; nhìn chung, các Sở, ngành, địa phương đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đã có biến chuyển.

Các đơn vị đã tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước như sử dụng văn bản điện tử, thư công vụ, trang thông tin điện tử để trao đổi thông tin và thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

Đánh giá chung, các cơ quan, đơn vị đã cơ bản triển khai các nhiệm vụ theo nội dung Kế hoạch đề ra, đạt khoảng 90% nội dung Kế hoạch.

## **7. Những khó khăn, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT còn một số khó khăn, vướng mắc như:

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT chưa đầy đủ, đồng bộ và thường xuyên có sự thay đổi; các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đôi lúc còn chưa cụ thể, chưa phù hợp với tình hình thực tế.

- Chỉ số đánh giá về mức độ Chính quyền điện tử đối với UBND cấp huyện và cấp xã còn thấp do các địa phương chưa thực sự tích cực, chủ động trong việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương.

- Vấn đề đảm bảo an toàn, an ninh thông tin còn chưa được chú trọng, chưa có cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin.

## **8. Một số giải pháp khắc phục**

- Đề nghị các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT, báo cáo kết quả ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị...

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, thực hiện chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ để công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin được thuận lợi, hiệu quả hơn và giảm nguy cơ mất an toàn thông tin cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đã đầu tư được hoạt động liên tục, hiệu quả, đảm bảo an toàn thông tin, phục vụ tốt cho công tác.

- Xây dựng cơ chế duy trì, bảo dưỡng hạ tầng công nghệ thông tin đã đầu tư, thường xuyên rà soát, đầu tư nâng cấp, nhằm đáp ứng kịp thời cho nhu cầu phát triển ứng dụng công nghệ thông tin. Thu hút đội ngũ cán bộ CNTT có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để quản trị hệ thống và kịp thời hỗ trợ người dùng trong quá trình cập nhật, chỉnh sửa, thay đổi theo quy định mới.

- Tăng cường công tác tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, của tổ chức, cá nhân về các lợi ích trong việc ứng dụng CNTT.

### **III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2020**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn, gắn kết, thúc đẩy cải cách hành chính, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính quyền điện tử.
- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử.
- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng và phát triển CNTT.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **2.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- 100% các Sở, ngành, UBND các huyện, thị, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, đảm bảo 100% văn bản đi, đến được gửi, nhận trên phần mềm.
- 100% văn bản chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.
- 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ [mail.haiduong.gov.vn](mailto:mail.haiduong.gov.vn) trong công việc.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

##### **2.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- 100% Sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã có trang/cổng thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về cung cấp thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử và được kết nối với Cổng thông tin điện tử của tỉnh.
- 100% Sở, ban, ngành, 100% UBND cấp huyện, 100% UBND cấp xã xây dựng và thực hiện thành công hệ thống một cửa điện tử.
- 80% thủ tục hành chính ở UBND cấp huyện và 80% thủ tục hành chính ở các Sở, ban, ngành và 60% thủ tục hành chính ở UBND cấp xã được cung cấp thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

##### **2.3. Nhân lực ứng dụng CNTT**

Đảm bảo 100% các Sở, ngành, UBND cấp huyện bố trí cán bộ theo dõi, vận hành hệ thống CNTT tại cơ quan, đơn vị.

### **III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

#### **1. Hạ tầng kỹ thuật**

- Duy trì, nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh.
- Nâng cấp mạng nội bộ và hạ tầng, trang thiết bị CNTT cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh.
- Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành không gian mạng.

#### **2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- Duy trì hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc của tỉnh.
- Duy trì, phát triển các cổng/trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

- Duy trì, vận hành hệ thống Thư điện tử công cụ của tỉnh.
- Triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.
- Xây dựng các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan nhà nước.

### **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tích hợp lên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.
- Duy trì, vận hành phần mềm một cửa điện tử quản lý tập trung cho các Sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

### **4. Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức CNTT**

- Tổ chức Đào tạo và thi sát hạch, cấp chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.
- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị.

### **5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin**

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin mạng.
- Tổ chức huấn luyện, diễn tập, phòng ngừa sự cố, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố máy tính.
- Triển khai đầu tư đồng bộ hệ thống phần cứng (*hệ thống tường lửa, sao lưu, phục hồi dữ liệu...*), hệ thống phần mềm (*tường lửa mềm, hệ thống phần mềm phát hiện truy cập trái phép, phần mềm diệt vi rút...*) nhằm đảm bảo an toàn thông tin.

## **IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI**

### **1. Giải pháp về môi trường chính sách**

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực CNTT; ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT.
- Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống CNTT.
- Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ CNTT.

### **2. Giải pháp tài chính**

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án về ứng dụng và phát triển CNTT. Bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp cho sự nghiệp CNTT.
- Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng CNTT; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống CNTT làm nền tảng.
- Tăng cường tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và nguồn vốn khác; Tạo cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; sử dụng hình thức đầu tư trả góp.

### **3. Giải pháp triển khai**

- Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các hệ thống đã được đầu tư; đánh giá hiệu quả của các hệ thống phần mềm để loại bỏ những phần mềm kém hiệu quả và tiếp tục triển khai ứng dụng, nhân rộng những phần mềm mang lại hiệu quả cao.

- Triển khai thí điểm mô hình ứng dụng và phát triển CNTT cho từng cấp sau đó đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai nhân rộng.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về hiệu quả và lợi ích khi ứng dụng CNTT.

- Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Lập dự án tổng thể; triển khai từng hạng mục, từng giai đoạn tùy thuộc vào điều kiện kinh phí.

- Triển khai hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên cơ sở phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương đã được phê duyệt.

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng chỉ số ứng dụng CNTT của các sở, ngành, địa phương.

- Xây dựng tiêu chí thi đua về ứng dụng CNTT trong bộ tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của các tập thể, cá nhân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị với kết quả ứng dụng CNTT và cải cách hành chính của đơn vị mình.

### **4. Giải pháp tổ chức**

- Tăng cường các hoạt động của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT; kiện toàn Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong triển khai ứng dụng CNTT.

- Hoàn thiện cơ cấu bộ máy chuyên trách CNTT trong hệ thống cơ quan nhà nước; tăng cường số lượng cán bộ CNTT cho các sở, ngành, địa phương nhằm vận hành thông suốt các ứng dụng và đảm bảo an toàn thông tin.

### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Tổng kinh phí: **131.4 tỷ đồng**.

- Nguồn kinh phí:

+ Ngân sách tỉnh: **113.4 tỷ đồng** (*Nguồn vốn sự nghiệp*).

+ Ngân sách Trung ương: 0 tỷ đồng.

+ Nguồn thu các đơn vị: **18 tỷ đồng**

- Kinh phí được xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách.

(*Phụ lục Danh mục các dự án, nhiệm vụ kèm theo*).

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2020 của cơ quan, đơn vị mình, tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực Kế hoạch; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng CNTT; kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai ứng dụng CNTT và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. *Phan*

### Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- TTr Tỉnh uỷ, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT;
- Phòng HC-TC – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, (50) Nam/

CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2020**

*Được hình thành theo Kế hoạch số 4132/KH-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Hải Dương*



STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện (Tỷ đồng)	Nguồn kinh phí				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Nguồn thu tại đơn vị	
					Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư phát triển			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0)	Sở Thông tin và Truyền thông		1	1				
2	Triển khai các giải pháp chuyển đổi IPV4 sang IPV6	Sở Thông tin và Truyền thông		0.5	0.5				
3	Xây dựng Cổng thông tin đối ngoại tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		5	5				
4	Nâng cấp hệ thống Mail công vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	2	2				
5	Triển khai đường truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện	13	13				

6	Mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	20	20				
7	Hội thảo hợp tác và phát triển về CNTT&TT toàn quốc tại Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	Bộ TTTT	1.5	1.5				
8	Nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện	3	3				
9	Xây dựng định mức Kinh tế kỹ thuật ngành TTTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính	1	1				
10	Xây dựng phần mềm quản lý lưu trú trực tuyến	Công an tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1				
11	Thuê phần mềm tổng hợp thông tin trên Internet và mạng xã hội viết về Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông		1.5	1.5				
12	Xây dựng phần mềm quản lý di tích quốc gia đặc biệt quần thể An phủ-Kính chủ- Nhâm Dương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		3.5	3.5				
13	Trang bị giải pháp tổng thể phòng chống virus cho hệ thống mạng của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1				
14	Xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ và giám sát kiểm tra hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		5	5				

15	Nâng cấp trang thông tin điện tử cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	0.7	0.7				Nâng cấp Trang TTĐT cho các đơn vị gồm: Sở GTVT, Sở KH&ĐT, Sở KH&CN, Sở Tư pháp, UBND huyện Cẩm Giàng, Sở VH-TT&DL, Công an tỉnh
16	Nâng cấp trang thiết bị tin học, hệ thống mạng LAN, WAN, Camera tại một số sở quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		3	3				Sở VH-TT&DL, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở TN&MT, Thanh tra tỉnh, Sở TT&TT
17	Triển khai ứng dụng chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản cho các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh	Các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn	2	2				0
18	Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	5	5				Thực hiện theo hướng dẫn của VPCP
19	Xây dựng hệ thống phần mềm thông tin báo cáo thống kê các cấp kết nối đến hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	3	3				Thực hiện theo hướng dẫn của VPCP
20	Trang bị giải pháp bảo mật an toàn thông tin trên hệ thống mạng ngành tài chính	Sở Tài chính		1.1	1.1				
21	Xây dựng hệ thống tổng hợp số liệu tập trung thu chi ngân sách nhà nước cấp tỉnh, huyện	Sở Tài chính		3	3				

22	Xây dựng hệ thống tổng hợp số liệu tập trung về tài sản công cấp tỉnh, huyện	Sở Tài chính		3	3				
23	Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực	Sở Tư pháp		1	1				
24	Triển khai thực hiện số hóa dữ liệu công chứng, chứng thực	Sở Tư pháp		1	1				
25	Nâng cấp phần mềm chấm điểm cải cách hành chính phục vụ chấm điểm CCHC cấp sở và cấp huyện, triển khai xây dựng phần mềm phục vụ chấm điểm CCHC đối với cấp xã	Sở Nội vụ		1.5	1.5				
26	Xây dựng phần mềm Quản lý đo lường, kiểm định chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ		0.2	0.2				
27	Điện tử hóa tờ trình Căn cước công dân	Công an tỉnh	Các Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an	3	3				
28	Thuê hệ thống CNTT trạm y tế xã, phường liên thông trực tuyến 2019-2024	Sở Y tế		8				8	Nguồn thu khám chữa bệnh BHYT tại các trạm Y tế
29	Thuê hệ thống lưu trữ hình ảnh RIS/PACS	Sở Y tế		10				10	Nguồn thu tại các đơn vị khám chữa bệnh

30	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, mạng thông tin ngành tài nguyên và môi trường và dữ liệu không gian địa chính tỉnh Hải Dương (giai đoạn 2)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3				
31	Ứng dụng phần mềm số hóa hồ sơ, dữ liệu lưu trữ cơ quan	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	2.7	2.7				
32	Xây dựng thư viện điện tử	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3				
33	Xây dựng CSDL bản đồ Quy hoạch xây dựng	Sở Xây Dựng	Sở Thông tin và Truyền thông	5	5				
34	Xây dựng phần mềm quản lý lực lượng dân quân tự vệ và Dự bị động viên lực lượng vũ trang tỉnh Hải Dương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Ban Chỉ huy quân sự 12 huyện, thành phố	2.5	2.5				
35	Số hóa tài liệu Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	3.8	3.8				
36	Thực hiện đề án số hóa kho hồ sơ Người có công và phần mềm quản lý chuyên ngành người có công	Sở Lao động TBXH	Sở Thông tin và Truyền thông	3.9	3.9				
37	Xây dựng phần mềm Quản lý lĩnh vực lao động - việc làm	Sở Lao động TBXH	Sở Thông tin và Truyền	3	3				
<b>Tổng cộng</b>				<b>131.4</b>	<b>113.4</b>			<b>18</b>	